| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BÌNH CHÁNH**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 619/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16/6/2021
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1- Bà Trần Thị Đúng.
2- Ông Phạm Văn Tuyền.

***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Văn Cơ- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền -Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1353/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1983;
Địa chỉ: C4/32A ấp 3, xã T, huyện B, Thành phố H.

2. *Bị đơn*: Ông Trần Võ Minh H, sinh năm 1984;

Địa chỉ: C4/32A ấp 3, xã T, huyện B, Thành phố H.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 23/11/2020 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Huỳnh Thị N trình bày:

Bà và ông Trần Võ Minh H chung sống với nhau do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố H vào ngày 10/03/2004. Thời gian đầu bà và ông H chung sống hạnh phúc, nhưng sau khi có con đầu lòng năm 2004 thì vợ chồng sống ly thân, đến khoảng năm 2013 thì bà nộp đơn lên Tòa nhưng sau đó vợ chồng đoàn tụ được một năm

thì tiếp tục sống ly thân. Nay bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Hoàng để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Trần Thị Kiều N (sinh ngày 28/10/2004) và trẻ Trần Huỳnh Hoàng K (sinh ngày 05/5/2014). Hiện nay các trẻ N và K do bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà N yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các trẻ N và K, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà xác định quá trình chung sống, bà và ông H không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định quá trình chung sống, bà và ông H không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 17/12/2020 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Trần Võ Minh H trình bày:

Ông và bà Huỳnh Thị N chung sống với nhau vào năm 2004 do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố H. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông bỏ nhà ra đi, bà N buồn nên nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh. Sau đó vợ chồng đoàn tụ. Đến năm 2014 thì bà N sinh thêm đứa con thứ hai. Từ giữa năm 2019 đến nay thì ông bỏ nhà ra cho đến nay. Lý do ông bỏ nhà ra đi là do nợ tiền người khác, nợ này không liên quan đến bà N. Bà N yêu cầu ly hôn với ông thì ông không đồng ý vì còn thương vợ.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông và bà Nhung có 02 con chung tên Trần Thị Kiều N (sinh ngày 28/10/2004) và trẻ Trần Huỳnh Hoàng K (sinh ngày 05/5/2014). Hiện nay hai trẻ đang sống với mẹ. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, con muốn sống với ai thì tùy ý.

Về tài sản chung: Ông xác định quá trình chung sống, ông và bà N không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định quá trình chung sống, ông và bà N không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị N xác định không còn thương yêu ông Trần Võ Minh H. Hai bên đã sống ly thân được một thời gian dài do bất đồng quan điểm sống. Bà N tha thiết yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn để ổn định cuộc sống. Bà đủ khả năng để tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các trẻ Trần Thị Kiều N (sinh ngày 28/10/2004) và trẻ Trần Huỳnh Hoàng K (sinh ngày 05/5/2014) nên không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên toà có ý kiến như sau:

Trong quá trình điều tra, thu thập chứng cứ Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị N.

Về con chung: Giao trẻ Trần Thị Kiều N (sinh ngày 28/10/2004) và trẻ Trần Huỳnh Hoàng K (sinh ngày 05/5/2014) cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Trần Võ Minh H.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông H xác định không có nên không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Huỳnh Thị N và ông Trần Võ Minh H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố H vào ngày 10/03/2004. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà N yêu cầu ly hôn với ông H. Đây là tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện B, Thành phố H nên căn cứ quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Bị đơn ông Trần Võ Minh H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt tại phiên tòa, do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông H là phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 01 ngày 10/03/2004 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố H thể hiện hôn nhân giữa bà N và ông H là hợp pháp.

Tại Công văn số 440/UBND ngày 18/05/2021 Ủy ban nhân dân xã T huyện B cho biết: Hiện bà Huỳnh Thị N và ông Trần Võ Minh H không còn chung sống với nhau, do mâu thuẫn gia đình, trẻ Trần Thị Kiều N (sinh ngày 28/10/2004) và trẻ Trần Huỳnh Hoàng K (sinh ngày 05/5/2014) đang sinh sống tại địa chỉ C4/32A ấp 3 xã T, huyện B, Thành phố H. Về việc chăm sóc, nuôi dưỡng các trẻ bà Huỳnh Thị N và ông Trần Võ Minh H có đủ điều kiện như nhau.

Tại phiên tòa, bà N xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Nguyên nhân do ông H bỏ nhà ra đi do nợ nần. Năm 2013 bà đã nộp đơn ly hôn ông H tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh nhưng sau đó rút đơn khởi kiện về đoàn tụ gia đình. Đến năm 2014 bà sinh thêm đứa con thứ hai. Tuy nhiên, giữa năm 2019 đến nay thì ông H tiếp tục bỏ nhà ra đi.

Bà Nhung xác định không còn thương yêu ông H, chỉ muốn ly hôn để trả tự do cho nhau. Ông H đã nhiều lần bỏ nhà ra đi, không quan tâm, chăm sóc cho vợ con, mặc dù bà đã tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng đến nay bà không còn tình cảm với ông H. Bà xác định không thể nào tiếp tục chung sống với ông H được nữa. Trường hợp Tòa án không cho bà ly hôn thì bà vẫn cương quyết không đoàn tụ với ông H.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện để bà N và ông H hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhiều lần động viên, hòa giải nhưng bà N cương quyết ly hôn, không có thiện chí muốn hòa giải đoàn tụ, ông H cũng không có biện pháp hàn gắn mâu thuẫn với bà N. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu ly hôn của bà N là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Bà N và ông H xác định quá trình chung sống có 02 con chung là trẻ Trần Thị Kiều N (sinh ngày 28/10/2004) và trẻ Trần Huỳnh Hoàng K (sinh ngày 05/5/2014).

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên...*

*2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*".

Tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"3. *Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở*".

Tại phiên tòa, bà N xác định hiện nay các trẻ N và K đang do bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông H đã thuê nhà sống riêng nhưng vẫn ở địa bàn xã T, huyện B, Thành phố H. Do đó để đảm bảo quyền lợi mọi mặt và tránh làm xáo trộn cuộc sống của các trẻ, Hội đồng xét xử sẽ giao các trẻ N và K cho bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung,

không ai được cản trở. Phần cấp dưỡng nuôi con bà N không có yêu cầu, khi nào có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: Bà N và ông H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Bà N và ông H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[3] Về án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị N đối với ông Trần Võ Minh H.

Bà Huỳnh Thị N được ly hôn với ông Trần Võ Minh H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 01 ngày 10/03/2004 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố H cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao các trẻ Trần Thị Kiều N (sinh ngày 28/10/2004) và trẻ Trần Huỳnh Hoàng K (sinh ngày 05/5/2014) cho bà Huỳnh Thị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung, khi nào có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết.

Ông H có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con cái khi cần thiết có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc góp phần phí tổn nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Bà N và ông H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà N và ông H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

5. Về án phí: Bà Huỳnh Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0080645 ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi Nhận:***
- TAND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (…)

**Nguyễn Thị Ngọc Châu**